

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

*Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
đã được soát xét*



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được soát xét	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 29



11/2017 / H - 1 / 11

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Khổng Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn An Thạnh	Thành viên
Ông Hoàng Đình Kế	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Hoàng Đình Kế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Khổng Đức Thiện	Giám đốc tài chính

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phùng Thị Kim Anh	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013)
Ông Lê Đức Dũng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2013)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

11105
CÔNG T
+ NHIỆM
+ KẾ
A P
AN K

1
4
0
1
N
1
1



Số: 1124/2013/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến Kiểm toán viên:

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện ký các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác với tổng số tiền là: 35.121.299.245 VND. Tại 30/06/2013, số dư giá trị hợp đồng hợp tác đầu tư đang theo dõi trên khoản mục Đầu tư ngắn hạn khác là 34.921.299.245 VND và Công ty chưa thực hiện đánh giá, xem xét trích lập dự phòng cho các hợp đồng này. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Tại thời điểm 30/06/2013, Công ty đã thực hiện phân loại số dư gốc trái phiếu phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên phong và lãi phải trả tương ứng với số tiền lần lượt là 294.631.520.000 VND và 113.819.161.783 VND trên Chỉ tiêu Vay và Nợ dài hạn và Phải trả dài hạn khác. Các trái phiếu này đã đến hạn vào ngày 28/12/2012, tuy nhiên Công ty thực hiện việc phân loại này dựa trên Biên bản làm việc ngày 11/06/2013 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM và Ngân hàng TMCP Tiên Phong, trong đó chỉ thỏa thuận về việc các khoản thanh toán sẽ được hai bên chốt vào ngày 30/06 và 31/12 hàng năm (chi tiết Thuyết minh số 18,19). Do đó, chúng tôi chưa có đủ các thông tin cần thiết về thời hạn gốc và lãi trái phiếu được gia hạn, số tiền phải thanh toán hàng năm.

Tổng số dư trái phiếu Công ty đã đầu tư trong năm 2012 và chưa đến hạn thanh toán tại 30/06/2013 là: 485.000.000.000 VND, đạt tỷ lệ 241% vốn chủ sở hữu. Tỷ lệ đầu tư này vượt quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề như mô tả ở đoạn trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính rằng tại thời điểm 30/06/2013, Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, do không có cơ sở xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu này.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

1/1/2013/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		83.029.834.219	83.647.770.710
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	31.356.719.537	1.246.750.876
111	1. Tiền		31.356.719.537	1.246.750.876
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	45.022.599.245	73.628.880.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		45.033.899.245	73.628.880.000
	- Chứng khoán thương mại		10.112.600.000	10.050.000.000
	- Đầu tư ngắn hạn khác		34.921.299.245	63.578.880.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(11.300.000)	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	815.740.633	3.213.515.729
132	2. Trả trước cho người bán		149.400.000	278.560.946
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		1.127.561	233.105.880
138	5. Các khoản phải thu khác		1.587.449.144	3.614.366.930
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(922.236.072)	(912.518.027)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.834.774.804	5.558.624.105
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		247.413.342	32.116.750
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	527.826
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	3.839.408	23.266.875
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	5.583.522.054	5.502.712.654
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		529.676.172.881	498.301.143.784
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	42.143.750.000	10.537.500.000
218	4. Phải thu dài hạn khác		42.143.750.000	10.537.500.000
220	II. Tài sản cố định		1.038.194.610	1.443.294.993
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	354.316.929	757.442.452
222	- Nguyên giá		3.288.242.722	4.677.967.649
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.933.925.793)	(3.920.525.197)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	683.877.681	685.852.541
228	- Nguyên giá		4.739.533.184	4.501.669.738
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.055.655.503)	(3.815.817.197)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	485.000.000.000	485.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		485.000.000.000	485.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.494.228.271	1.320.348.791
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	85.606.439	11.870.830
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	1.085.621.832	985.477.961
268	4. Tài sản dài hạn khác		323.000.000	323.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		612.706.007.100	581.948.914.494

02
 G.1
 04
 05
 06
 07
 08
 09
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 30 tháng 06 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		411.639.971.022	380.937.412.145
310	I. Nợ ngắn hạn		3.189.289.239	380.937.412.145
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	294.631.520.000
312	2. Phải trả người bán		1.370.057.369	1.355.080.355
313	3. Người mua trả tiền trước		173.000.000	73.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		13.972.870	9.621.258
315	5. Phải trả người lao động		233.686.350	8.500.000
316	6. Chi phí phải trả	15	52.804.897	83.485.027.504
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	214.395.126	161.968.627
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	1.049.723.687	1.126.137.859
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		6.992.398	-
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		74.656.542	86.556.542
330	II. Nợ dài hạn		408.450.681.783	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	18	113.819.161.783	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	294.631.520.000	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		201.066.036.078	201.011.502.349
410	I. Vốn chủ sở hữu		201.066.036.078	201.011.502.349
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20	200.000.000.000	200.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	87.438.309
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		361.771.417	361.771.417
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		128.599.156	128.599.156
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		488.227.196	433.693.467
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		612.706.007.100	581.948.914.494

Đỗ Thị Ngọc
SC

TY / C
VN
10/1
A
P.Y

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
006	6. Chứng khoán lưu ký		62.114.610.000	1.007.840.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		61.436.710.000	1.007.840.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		61.436.710.000	1.007.840.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		665.500.000	-
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		665.500.000	-
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		12.400.000	-
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		12.400.000	-



Phạm Thị Hình

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	21	34.460.656.793	36.638.044.270
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		300.284.027	609.968.441
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		34.001.048.162	35.853.262.405
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		4.276.528	-
01.9	Doanh thu khác		155.048.076	174.813.424
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	34.460.656.793	36.638.044.270
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	30.860.345.082	31.593.701.889
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		3.600.311.711	5.044.342.381
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	3.526.744.744	4.735.340.379
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		73.566.967	309.002.002
32	9. Chi phí khác		855.329	384.542
40	10. Lợi nhuận khác		(855.329)	(384.542)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		72.711.638	308.617.460
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	18.177.909	77.250.501
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>54.533.729</u>	<u>231.366.959</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	3	12



Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN				
01	1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		463.255.198	613.973.849
02	2. Tiền chi hoạt động kinh doanh		(559.196.013)	(1.364.285.929)
05	3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(53.131.995)	(455.168.444)
06	4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		62.569.999.586	171.604.545.461
07	5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(62.901.207.494)	(169.327.962.977)
10	8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.124.637.480)	(826.448.105)
11	9. Tiền chi trả cho người lao động		(1.231.350.694)	(1.866.041.427)
12	10. Tiền chi trả lãi vay		-	(7.000.000.000)
13	11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(27.183.840)
14	12. Tiền thu khác		507.649.135	1.455.556.921
15	13. Tiền chi khác		(234.948.259)	(960.512.710)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(2.563.568.016)	(8.153.527.201)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(343.702.500)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(35.121.299.245)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		63.778.880.000	6.999.802.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(62.600.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.422.258.422	86.858.176
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		32.673.536.677	7.086.660.176
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		30.109.968.661	(1.066.867.025)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.246.750.876	8.215.512.008
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>31.356.719.537</u>	<u>7.148.644.983</u>

U11
CƠ
SỞ
KINH
TẾ
A
344



Phạm Thị Hình
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Vân
Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

6 tháng đầu năm 2013	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		361.771.417	-	-	361.771.417
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		128.599.156	-	-	128.599.156
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		433.693.467	54.533.729	-	488.227.196
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	201.011.502.349	54.533.729	-	201.066.036.078

6 tháng đầu năm 2012	Thuyết minh	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Cuối kỳ VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		200.000.000.000	-	-	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		87.438.309	-	-	87.438.309
Quỹ dự phòng tài chính		358.084.131	-	-	358.084.131
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		124.911.870	-	-	124.911.870
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		367.322.321	231.366.959	-	598.689.280
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	200.937.756.631	231.366.959	-	201.169.123.590

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM chưa trích lập Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ. Việc trích lập Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ sẽ được thực hiện vào thời điểm cuối năm.

Phạm Thị Hinh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013



Alan
Nguyễn Thị Thanh Tân
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Gia Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 65/UBCK - GP ngày 03 tháng 12 năm 2007, được điều chỉnh theo các Giấy phép điều chỉnh số 269/UBCK - GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 19/10/2009 về đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Stock Mart Việt Nam; Giấy phép điều chỉnh số 45/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 02/08/2011 về đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM; và Giấy phép điều chỉnh số 63/GPDC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán ngày 28/11/2011 về tăng vốn điều lệ từ 135.000.000.000 VND lên 200.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND; tương đương với 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng đầu năm 2013, do ảnh hưởng của nền kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng, hoạt động môi giới chứng khoán của Công ty giảm so với kỳ trước. Công ty tập trung chủ yếu vào việc quản lý các hoạt động đầu tư từ năm trước. Phần lớn doanh thu trong năm là từ lãi của hợp đồng hợp tác đầu tư, dự thu lãi đầu tư trái phiếu. Chi phí hoạt động kinh doanh chủ yếu từ dự chi lãi trái phiếu phát hành.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

13/06/2013
JHN
TOA
C
13

13/06/2013
S.G.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu
Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	6 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chí phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chí phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kì phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Cơ sở trích lập dự phòng: Đối với chứng khoán đã niêm yết là giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng. Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán không có đủ thông tin về giá trị thị trường thì không thực hiện trích lập dự phòng.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2.14 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
		VND
Của Công ty Chứng khoán	27.000	62.600.000
- Cổ phiếu	27.000	62.600.000
Của người đầu tư	24.469.880	167.890.081.000
- Cổ phiếu	24.469.880	167.890.081.000
<i>Mua vào</i>	<i>11.837.640</i>	<i>81.629.426.000</i>
<i>Bán ra</i>	<i>12.632.240</i>	<i>86.260.655.000</i>
	24.496.880	167.952.681.000

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5.280.434	42.388.731
Tiền gửi ngân hàng	30.440.218.336	38.004.938
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	911.220.767	1.166.357.207
	31.356.719.537	1.246.750.876

1185
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
VSM
11-11-13

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tăng so với giá trị trường		Giảm so với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Chứng khoán thương mại (i)	739.500	712.500	10.112.600.000	10.050.000.000	-	-	(11.300.000)	-	10.101.300.000	10.050.000.000
- Cổ phiếu	739.500	712.500	10.112.600.000	10.050.000.000	-	-	(11.300.000)	-	10.101.300.000	10.050.000.000
- Công ty CP VFI Việt Nam	712.500	712.500	10.050.000.000	10.050.000.000	-	-	-	-	10.050.000.000	10.050.000.000
- KHL	27.000	-	62.600.000	-	-	-	(11.300.000)	-	51.300.000	-
2. Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	-	-	34.921.299.245	63.578.880.000	-	-	-	-	34.921.299.245	63.578.880.000
- Hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	34.921.299.245	63.578.880.000	-	-	-	-	34.921.299.245	63.578.880.000
TỔNG CỘNG	739.500	712.500	45.033.899.245	73.628.880.000	-	-	(11.300.000)	-	45.022.599.245	73.628.880.000

(i): Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết, dự phòng giảm giá chứng khoán chưa được trích lập do chưa xác định được giá trị trường của các cổ phiếu này.

(ii): Đây là giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác. Công ty được hưởng lãi suất 9%/ năm, thời gian hợp tác là 90 ngày. Tài sản đảm bảo của hợp đồng là các chứng khoán được đầu tư bằng nguồn vốn hợp tác đầu tư và các chứng khoán có trên tài khoản của các cá nhân nhận hợp tác đầu tư. Trường hợp đối tác thanh toán trước hạn hợp đồng, mức lãi suất có thể điều chỉnh giảm theo thỏa thuận giữa 2 bên. Trong 6 tháng đầu năm, Công ty miễn tính lãi cho một số đối tác từ 01/01/2013 đến 15/03/2013.



Y CỐ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Địa chỉ: Nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Thị trấn Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

TIỀN PHÁI THU NGÂN HÀNG

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số khó đòi VND	
Đã trước cho người bán	278.560.946	-	-	129.160.946	149.400.000	149.400.000	(149.400.000)
Đã trước cho Công ty Truyền thông TB	104.400.000	-	-	-	104.400.000	104.400.000	(104.400.000)
Đã trước cho Công ty Hợp nhất	45.000.000	-	-	-	45.000.000	45.000.000	(45.000.000)
Các khoản ứng trước khác	129.160.946	-	129.160.946	-	-	-	-
Hai thu hoạt động giao dịch chứng khoán	233.105.880	-	29.693.047	261.671.366	1.127.561	-	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	233.105.880	-	29.693.047	261.671.366	1.127.561	-	-
Phải thu thành viên khác	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác đầu tư	3.614.366.930	-	2.585.794.636	4.612.712.422	1.587.449.144	582.399.627	(772.836.072)
Các khoản phải thu khác	2.691.433.332	-	2.580.652.162	4.608.112.422	663.973.072	582.399.627	-
Các khoản phải thu khác	922.933.598	-	5.142.474	4.600.000	923.476.072	772.836.072	(772.836.072)
TỔNG CỘNG	4.126.033.756	-	2.615.487.683	5.003.544.734	1.737.976.705	582.399.627	(922.236.072)

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.099.428	2.348.986
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.739.980	20.917.889
	<u>3.839.408</u>	<u>23.266.875</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	213.522.054	132.712.654
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.370.000.000	5.370.000.000
Công ty TNHH Đầu tư FC (*)	5.360.000.000	5.360.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	10.000.000	10.000.000
	<u>5.583.522.054</u>	<u>5.502.712.654</u>

(*) Khoản đặt cọc với số tiền 5.360.000.000 VND để mua cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh (mã trên sàn HOSE: DXG) từ Công ty TNHH Đầu tư FC theo Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng cổ phần số 01-11/FC-DT-DXG ngày 08 tháng 11 năm 2011.

9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Lãi trái phiếu dự thu	42.143.750.000	10.537.500.000
	<u>42.143.750.000</u>	<u>10.537.500.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	14.800.000	4.663.167.649	4.677.967.649
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	(1.389.724.927)	(1.389.724.927)
- Phân loại lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(1.389.724.927)	(1.389.724.927)
Số dư cuối kỳ	14.800.000	3.273.442.722	3.288.242.722
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	11.716.674	3.908.808.523	3.920.525.197
Số tăng trong kỳ	1.233.336	322.285.326	323.518.662
- Trích khấu hao	1.233.336	322.285.326	323.518.662
Số giảm trong kỳ	-	(1.310.118.066)	(1.310.118.066)
- Phân loại lại theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	-	(1.310.118.066)	(1.310.118.066)
Số dư cuối kỳ	12.950.010	2.920.975.783	2.933.925.793
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.083.326	754.359.126	757.442.452
Tại ngày cuối kỳ	1.849.990	352.466.939	354.316.929

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.409.969.738 đồng

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	4.501.669.738
Số dư đầu năm	343.702.500
Số tăng trong kỳ	343.702.500
- Mua sắm mới	(105.839.054)
Số giảm trong kỳ	(105.839.054)
- Giảm khác	4.739.533.184
Số dư cuối kỳ	3.815.817.197
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	239.838.306
Số tăng trong kỳ	239.838.306
- Trích khấu hao	-
Số giảm trong kỳ	4.055.655.503
Số dư cuối kỳ	685.852.541
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	683.877.681
Tại ngày cuối kỳ	685.852.541

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.703.159.596 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư trái phiếu dài hạn (i)	485.000.000.000	485.000.000.000
<i>Trái phiếu Công ty CP VFI Việt Nam</i>	<i>235.000.000.000</i>	<i>235.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình</i>	<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
<i>Trái phiếu Công ty CP Phương Trung</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>
	485.000.000.000	485.000.000.000

(i). Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

- Trái phiếu Công ty CP VFI Việt Nam; Số lượng 235 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 29 tháng, ngày phát hành là 28/09/2012, ngày đáo hạn là 28/02/2015; Lãi suất 13%/ năm, lãi suất được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo. Công ty VFI cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu đã phát hành khi có yêu cầu của Công ty Chứng khoán VSM. Số dư trái phiếu tại ngày 30/06/2013 là: 235.000.000.000 VND.

- Trái phiếu Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình; Số lượng 150 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 2 năm, ngày phát hành là 18/12/2012, ngày đáo hạn là 18/12/2014; Lãi suất 12%/ năm, lãi suất được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo. Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu đã phát hành khi có yêu cầu của Công ty Chứng khoán VSM. Giá trị trái phiếu tại 30/06/2013 là: 150.000.000.000 VND.

- Trái phiếu Công ty CP Phương Trung; Số lượng 85 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/ trái phiếu; Kỳ hạn 5 năm, ngày phát hành là 24/10/2011, ngày đáo hạn là 24/10/2016; Lãi suất 17%/năm; Lãi suất được thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn; Trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo. Công ty CP Phương Trung cam kết mua lại toàn bộ trái phiếu đã phát hành khi có yêu cầu của Công ty Chứng khoán VSM. Giá trị trái phiếu tại 30/06/2013 là: 100.000.000.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.870.830	107.851.464
Số tăng trong kỳ	79.606.861	39.600.000
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(5.871.252)	(61.776.402)
Số dư cuối kỳ	85.606.439	85.675.062
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	-	3.300.000
Công cụ dụng cụ, thiết bị văn phòng	85.606.439	8.570.830
	85.606.439	11.870.830

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

14 . TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	836.970.381	783.460.958
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	128.651.451	82.017.003
Số dư cuối kỳ	<u>1.085.621.832</u>	<u>985.477.961</u>

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	83.451.654.700
Chi phí điện, nước, cước viễn thông	52.804.897	33.372.804
	<u>52.804.897</u>	<u>83.485.027.504</u>

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	81.401.851	49.156.873
Bảo hiểm y tế	11.764.366	5.843.922
Bảo hiểm thất nghiệp	6.016.436	4.287.435
Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.212.473	102.680.397
	<u>214.395.126</u>	<u>161.968.627</u>

17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	162.724.549	7.930.813
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	886.999.138	1.118.207.046
	<u>1.049.723.687</u>	<u>1.126.137.859</u>

18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả lãi trái phiếu phát hành cho Ngân hàng Tiên Phong	113.819.161.783	-
	<u>113.819.161.783</u>	<u>-</u>



Ngày 30/06/2013
 Ông Nguyễn Văn Tuấn
 Giám đốc
 WSDN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSM

Tầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

19 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	01/01/2013	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	30/06/2013
	VND	VND	VND	VND
Trái phiếu phát hành	294.631.520.000	-	-	294.631.520.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	294.631.520.000	-	-	294.631.520.000
	<u>294.631.520.000 (i)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>294.631.520.000</u>

(i): Năm 2012, trái phiếu này theo dõi ở chỉ tiêu Vay và nợ ngắn hạn.

Ghi chú: Trái phiếu phát hành theo Hợp đồng số 01/TPB-VSM ngày 29/12/2010 ký với Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Số lượng trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Mệnh giá 1 tỷ VND/1 trái phiếu; Kỳ hạn 1 năm; Lãi suất thay đổi 3 tháng/lần vào ngày 29 của tháng và bằng lãi suất tiết kiệm VND lãi trả sau kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh nhưng không thấp hơn lãi suất kỳ đầu tiên; Lãi suất áp dụng kỳ đầu tiên là 17%/năm; Lãi suất áp dụng trong kỳ này là 20,5%/năm; Tiền lãi được thanh toán 3 tháng 1 lần vào ngày 29 của tháng, trên cơ sở 1 năm có 360 ngày và theo số ngày thực tế trên mệnh giá trái phiếu chưa thanh toán. Hợp đồng đã đến hạn vào ngày 28/12/2012. Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Chứng khoán VSM đã trả 5.368.480.000 VND. Ngày 11/06/2013, hai bên đã ký Biên bản thỏa thuận liên quan đến khoản vay trái phiếu trong đó chỉ thỏa thuận về việc các khoản thanh toán sẽ được hai bên chốt vào ngày 30/06 và 31/12 hàng năm và tài sản thế chấp thanh toán là các tài sản của cá nhân. Dựa trên Biên bản này, Công ty đã phân loại trái phiếu này từ chỉ tiêu Vay ngắn hạn sang Vay và nợ dài hạn.

20 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Vốn góp của đối tượng khác	100,00%	200.000.000.000	100,00%	200.000.000.000
- <i>Thẻ nhân nắm giữ</i>	100,00%	200.000.000.000	100,00%	200.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>200.000.000.000</u>

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

(01)
 CC
 TRÁCH
 HẠN
 (01)

(01)
 CC
 TRÁCH
 HẠN
 (01)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

c) Cổ phiếu

	<u>30/06/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>
	VND	VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	34.460.656.793	36.638.044.270
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	300.284.027	609.968.441
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	34.001.048.162	35.853.262.405
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	4.276.528	-
- Doanh thu khác	155.048.076	174.813.424
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	<u>34.460.656.793</u>	<u>36.638.044.270</u>

(*) : Đây là doanh thu từ lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư với các đối tác và dự thu lãi đầu tư trái phiếu.

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>	<u>6 tháng đầu năm 2012</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	443.524.560	409.513.815
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	30.367.507.083	31.091.666.667
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	19.999.998	63.181.778
Chi phí khác	29.313.441	29.339.629
	<u>30.860.345.082</u>	<u>31.593.701.889</u>

(*) : Đây là lãi dự chi trái phiếu phát hành cho Ngân hàng Tiên Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.675.050.519	1.843.942.143
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	193.828.893	328.940.428
Chi phí khấu hao tài sản cố định	563.356.968	767.870.321
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	9.718.045	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và khác bằng tiền	1.081.790.319	1.791.587.487
	3.526.744.744	4.735.340.379

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.711.638	308.617.460
Các khoản điều chỉnh tăng	-	384.542
- Chi phí không hợp lệ	-	384.542
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	72.711.638	309.002.002
- Thu nhập tính thuế còn lại	72.711.638	309.002.002
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	18.177.910	77.250.501
	18.177.910	77.250.501
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.177.910	77.250.501
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(20.917.889)	19.360.141
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(27.183.840)
	(2.739.979)	69.426.802

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	54.533.729	231.366.959
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54.533.729	231.366.959
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	20.000.000	20.000.000
	3	12



1
35
CÔNG
CƠ T
ỨNG
V
C
C
D.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.356.719.537	-	1.246.750.876	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải thu khác	43.732.326.705	(922.236.072)	14.384.972.810	(912.518.027)
Đầu tư ngắn hạn	45.033.899.245	(11.300.000)	73.628.880.000	-
Đầu tư dài hạn	485.000.000.000	-	485.000.000.000	-
	605.122.945.487	(933.536.072)	574.260.603.686	(912.518.027)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay và nợ	294.631.520.000	294.631.520.000
Phải trả người bán, phải trả khác và phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	116.453.337.965	2.643.186.841
Chi phí phải trả	52.804.897	83.485.027.504
	411.137.662.862	380.759.734.345

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

G.T
HAI
KH
15

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thị trường

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.356.719.537	-	-	31.356.719.537
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải thu khác	666.340.633	42.143.750.000	-	42.810.090.633
Đầu tư ngắn hạn	45.022.599.245	-	-	45.022.599.245
Đầu tư dài hạn	-	485.000.000.000	-	485.000.000.000
	77.045.659.415	527.143.750.000	-	604.189.409.415
Tại 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.246.750.876	-	-	1.246.750.876
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải thu khác	2.934.954.783	10.537.500.000	-	13.472.454.783
Đầu tư ngắn hạn	73.628.880.000	-	-	73.628.880.000
Đầu tư dài hạn	-	485.000.000.000	-	485.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 30/06/2013				
Vay và nợ	-	294.631.520.000	-	294.631.520.000
Phải trả người bán, phải trả khác và phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.634.176.182	113.819.161.783	-	116.453.337.965
Chi phí phải trả	52.804.897	-	-	52.804.897
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	6.992.398	-	-	6.992.398
	<u>2.693.973.477</u>	<u>408.450.681.783</u>	<u>-</u>	<u>411.144.655.260</u>
Tại 01/01/2013				
Vay và nợ	294.631.520.000	-	-	294.631.520.000
Phải trả người bán, phải trả khác và phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	2.643.186.841	-	-	2.643.186.841
Chi phí phải trả	83.485.027.504	-	-	83.485.027.504
	<u>380.759.734.345</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>380.759.734.345</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Trong kỳ, hoạt động đầu tư chứng khoán chiếm 98,67% tổng doanh thu hoạt động kinh doanh. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

LIÊN
NG T
CH H
KIỂM T
ASC
V. T

10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VSMTầng 1, Tòa nhà Hàng Hải, Số 01 Đào Duy Anh,
Quận Đống Đa, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng đầu năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	433.636.364	374.530.954

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	138	3.614.366.930	14.151.866.930
Phải thu dài hạn khác	218	10.537.500.000	

**Phạm Thị Hinh**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Vân

Kế toán trưởng

